TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 84/2023/ HSST.
Ngày: 07/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn L

Ông Phạm Văn T

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký TAND TP T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng L - Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2022/HSST ngày 30/12/2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Ngô Hữu S** - sinh ngày: 21/4/2001; nơi cư trú: Khu phố Công Vinh, phường Q, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Ngô Hữu H (đã chết) và con bà Trương Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ 08/7/2022, đến ngày 14/7/2022 chuyển tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. **Trần Ngọc Đ** - sinh năm: 1992; nơi cư trú: Khu phố Phúc Đ, phường Q, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Ngọc C và con bà Ngô Thị P; có vợ: Trương Thị N và có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ 08/7/2022, đến ngày 14/7/2022 chuyển tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. **Lường Thanh H** - sinh năm: 1992; nơi cư trú: Khu phố Phúc Đ, phường Q, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Lường Thanh H và con bà Nguyễn Thị T; có vợ: Nguyễn Thị T và có 01 con, lớn sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ 08/7/2022, đến ngày 14/7/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại chi bộ khu phố Phúc Đ, đảng bộ phường Q, thành phố S. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. **Bùi Ngọc C** - sinh ngày: 07/01/2000; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Bùi Ngọc H và con bà Hoàng Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ 08/7/2022, đến ngày 14/7/2022 chuyển tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. **Chu Văn K** - sinh năm: 1996; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Chu Văn D và con bà Lê Thị N; có vợ: Đoàn Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Ngày 05/7/2021 bị TAND thành phố S, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: "Đánh bạc"; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ 08/7/2022, đến ngày 14/7/2022 chuyển tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C và Chu Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 07/7/2022, Ngô Hữu S gặp Trần Ngọc Đ tại khu FLC thành phố S, cả hai bàn bạc, thống nhất tối sẽ lên quán Bar sử dụng ma túy. Đến chiều cùng ngày, Đ rủ thêm Lường Thanh H, H đồng ý thì Đ bảo H chủ động liên lạc với S để sắp xếp. Đến khoảng 20h cùng ngày, H gọi điện rủ Bùi Ngọc C đi cùng, do không có tiền nên Chung nói với H là "Hôm nay em không có tiền, anh có tiền thì gửi cho em rồi hôm sau em gửi trả lại anh sau", H đồng ý. Lúc này Chung đang ngồi uống bia với Chu Văn K nên rủ K đi cùng, K nói là không có tiền thì Chung bảo "Em cũng không còn tiền em nhờ ông anh cùng công ty gửi cho em rồi trả tiền cho anh ấy sau". Sau đó, Chung gọi nói với H "Em có ông anh cũng muốn đi anh có thu xếp được không" thì H đồng ý rồi gọi điện báo cho S biết là có thêm Chung và bạn của Chung đi cùng, S đồng ý, thì H bảo S có 05 người đấy, có chơi thì gọi đồ (tức là thuốc lắc) trước đi, S đồng ý. Đến khoảng 22h cùng ngày, Chung gọi cho H hỏi đi

chưa, thì H bảo Chung gọi cho S xem rồi đi lên Bar Lam Kinh (Vũ trường Lam Kinh) trước đi, H và Đ sẽ lên sau. Chung gọi điện cho S, sau đó Chung và K đi xe Ta xi đến khu vực Cây xăng ở phường Q, thành phố S đón S đi lên Vũ trường Lam Kinh, ở số 30 Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố T. S dẫn Chung và K vào bàn VIP 10 ngồi uống rượu, nghe nhạc. Chung hỏi S "Đồ lên chưa, sao lâu thế" (đồ được các đối tượng ngầm hiểu với nhau là ma túy loại thuốc lắc), S nói với Chung "Để anh Đ, anh H lên đã". Khoảng 22h30 cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô BKS: 36A - 624.54 chở H từ khu FLC thành phố S lên Vũ trường Lam Kinh, trên đường đi, H nói với Đ là mọi việc S đã chuẩn bị xong rồi (Đ hiểu là S đã chuẩn bị thuốc lắc và đặt bàn). Khoảng 23h00 cùng ngày, Đ và H đến nơi thì cả nhóm chuyển sang bàn VIP 9 ngồi uống rượu, hút bóng cười, nghe nhạc. Lúc này cả Chung và Đ đều liên tục giục S là sao đồ lâu thế (tức là lâu lấy được ma túy, thuốc lắc). S gọi điện qua ứng dụng Messenger cho Đàm Xuân Hòa, sinh năm 1998, ở tổ dân phố Hòa S, phường Bắc S, thành phố S, tỉnh T hỏi mua 05 viên thuốc lắc mang lên Bar Lam Kinh, Hòa hẹn 10' nữa sẽ có người mang thuốc lắc đến. Đến khoảng 23h30' cùng ngày, Hòa gọi điện cho S bảo ra khu vực bãi đỗ xe của Vũ trường Lam Kinh đưa cho người ship 2.000.000 đồng mà lấy đồ (tức thuốc lắc). S ra gặp 01 đối tượng nam giới (không xác định được nhân thân, lai lịch) đưa cho người này 2.000.000 đồng và lấy 05 viên thuốc lắc màu xám đựng trong 01 túi nilon, rồi mang vào bàn VIP 9 Vũ trường Lam Kinh đưa cho H, K, Chung, Đ mỗi người 01 viên thuốc lắc để sử dụng, còn 01 viên thuốc lắc S sử dụng, các đối tượng đều sử dụng thuốc bằng cách uống với nước Cocacola. Riêng K sử dụng ½ viên thuốc lắc, còn lại ½ viên thuốc lắc K dấu vào túi quần phía sau bên trái; Chung bẻ viên thuốc lắc làm đôi, rồi sử dụng ½ viên thuốc lắc, còn ½ viên thuốc lắc Chung đưa lại cho S. Một lúc sau, S đưa ½ viên thuốc lắc này cho K sử dụng. Sau khi sử dụng thuốc lắc, các đối tượng ngồi nghe nhạc, nhảy nhót đến khoảng hơn 01h00' ngày 08/7/2022 thì ra về. Khi đến quầy thanh toán, H đưa cho Đ số tiền 2.000.000 đồng để Đ đứng ra thanh toán, hết tổng số tiền là 7.600.000 đồng. Các đối tượng thống nhất để ngày mai cộng tổng cả tiền S bỏ ra mua 05 viên thuốc lắc rồi chia đều cho 04 người gồm: Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C, không tính cho Chu Văn K vì K là bạn Chung, được Chung rủ đi và bản thân K cũng không được S, Đ, H, Chung trao đổi, bàn bạc gì về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó Đ điều khiển xe ô tô BKS: 36A - 624.54 chở các đối tượng đi về, khi đến đường Phan Đình Phùng, phường Đông Hương, thành phố T thì bị Tổ công tác liên ngành 282 Công an tỉnh T kiểm tra, thu giữ được ½ viên thuốc lắc của K vứt xuống sàn xe ô tô, Tổ công tác liên nghành 282 đã đưa về Công an phường Đông Hương lập biên bản, sau đó bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T để xử lý theo thẩm quyền.

Test thử nước tiểu của 05 đối tượng nói trên, kết quả cả 05 đối tượng Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C và Chu Văn K đều dương tính với chất ma túy: MDMA và Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số: 2404/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T kết luận: Mảnh viên nén màu xám thu giữ được của Chu Văn K là ma túy, có tổng khối lượng 0,198gam, loại: MDMA.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật (là 0,150g ma túy, loại MDMA); 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, số seri C6T4M7KVMM, gắn sim số 0962152675 tạm giữ của Ngô Hữu S; 01 điện thoại di động Iphone 11, số seri C7CCW52WN73V, gắn sim số 0357429923 tạm giữ của Lường Thanh H; 01 điện thoại di động Iphone 11, số seri F4GZ609KN74F, gắn sim số 0705444676 tạm giữ của Trần Ngọc Đ; 01 điện thoại di động Iphone Xr, số seri C6KXL44EKXL7, gắn sim số 0355903121 tạm giữ của Bùi Ngọc C và 01 điện thoại di động Vivo 1915, số Imei 1: 868797048930772, số Imei 2: 868797048930764, gắn sim số 0961052104 tạm giữ của Chu Văn K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô BKS: 36A - 624.54 cho ông Trần Ngọc C, là bố của Trần Ngọc Đ và là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe này.

Đối với Đàm Xuân H, là người S khai đã bán 05 viên thuốc lắc cho S, nhưng quá trình điều tra, Hòa không thừa nhận, nên không đủ căn cứ để xử lý về hành vi Mua bán trái phép ma túy.

Đối với người nam giới đã giao cho S 05 viên thuốc lắc tại khu vực bãi đỗ xe của Vũ trường Lam Kinh, do S không biết rõ nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý.

Đối với anh Lê Văn T, sinh năm 1993, ở phòng 1706B Chung cư Ruby, phường Lam S, thành phố T, là người đại diện theo pháp luật của Vũ trường Lam Kinh, anh T không biết và không liên quan đến việc Ngô Hữu S cùng đồng phạm Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, đã đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: "Để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý", theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 Nghị định 144/2021 của Chính phủ.

Cáo trạng số 44/CT-VKSTPTH ngày 26/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS. Bị cáo Chu Văn K về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS năm 2015 (đối với các bị cáo Ngô Hữu S); điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS năm 2015 (đối với các bị cáo Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C). Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 55; khoản 5

Điều 65; Điều 38 của BLHS năm 2015 (đối với Chu Văn K); đề nghị xử phạt: Ngô Hữu S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, các bị cáo Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; bị cáo Chu Văn K từ 18 đến 24 tháng tù và tổng hợp với 09 tháng tù tại bản án HSST số 29/2021/HSST ngày 05/7/2021 của TAND thành phố S và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Vào đêm 07/7/2022, rạng sáng ngày 08/7/2022, tại Vũ trường Lam Kinh, ở số 30 Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố T, Ngô Hữu S đã mua 05 viên thuốc lắc (là ma túy tổng hợp, loại MDMA) để Ngô Hữu S cùng với Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C tổ chức cho Chu Văn K; bản thân S, Đ, H, Chung cũng sử dụng trái phép chất ma túy. Đến 01h40’ ngày 08/7/2022, khi 05 đối tượng đang trên đường về đến đường Phan Đình Phùng, phường Đông Hương, thành phố T thì bị Tổ công tác liên nghành 282 Công an tỉnh T kiểm tra, phát hiện và thu giữ được của Chu Văn K 01 mảnh viên nén màu xám là ma túy, có tổng khối lượng là: 0,198gam, loại MDMA, K tàng trữ với mục đích để sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Chu Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do các bị cáo tổ chức sử dụng chất ma túy cho nhiều người nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS. Bị cáo Chu Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với các bị cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[3] Tính chất vụ án: Tội phạm về ma túy và tệ nạn nghiện hút ma túy đã và đang ảnh hưởng đến các lĩnh vực của cuộc sống xã hội. Vì ma túy gây tác hại đến sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, kiệt quệ về kinh tế và phá vỡ hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, ma túy còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác và gây lan truyền căn bệnh HIV/AIDS. Ma túy là mặt hàng Nhà nước ta đặc biệt nghiêm cấm, bất luận người nào phạm tội về ma túy đều phải trừng trị rất nghiêm khắc. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và sự trừng trị nghiêm khắc đó, biết rõ hậu quả về hành vi phạm tội, nhưng xem thường pháp luật, thiếu trách nhiệm với xã hội và chính gia đình mình.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của nhà nước. Ngoài ra tội phạm này còn xâm phạm trật tự xã hội, ảnh hưởng sức khỏe người khác nên cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Vai trò và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo Ngô Hữu S là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là người chuẩn bị địa điểm, mua, đưa và cùng góp tiền mua ma túy cho các đối tượng để sử dụng ma tuý; Trần Ngọc Đ là người rủ Lường Thanh H; H là người rủ Bùi Ngọc C cùng tham gia và góp tiền để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó Chung là người góp tiền và rủ Chu Văn K đi sử dụng ma túy, nhưng K không phải góp tiền và không có hành vi giúp sức cho S, Đ, H, Chung trong việc tổ chức trái phép chất ma túy. Do đó bị cáo Ngô Hữu S là đối tượng giữ vai trò chính trong vụ án này, còn Trần Văn Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C đều thực hành với vai trò tích cực, nên xếp cả 03 bị cáo đều có vai trò thứ 2.

Đối với Chu Văn K tàng trữ 0,198 gam ma túy, loại MDMA, để nhằm mục đích sử dụng, nên K phải chịu trách nhiệm độc lập về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Với tính chất của vụ án thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 04 bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Chu Văn K phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 05 bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C và Chu Văn K đều thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo Trần Ngọc Đ có bố đẻ được Bộ Tư Lệnh Bộ đội biên phòng tặng Kỷ

niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới, được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc và nhiều Giấy khen, ngoài ra bị cáo Đ trước khi phạm tội có tham gia đóng góp ủng hộ phường Q và Quỹ vắc xin phòng chống Covid -19. Bị cáo Lường Thanh H có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là có bố đẻ có thời gian tham gia trong Quân đội và được tập đoàn FLC tặng Giấy khen, ngoài ra bị cáo H trước khi phạm tội có tham gia đóng góp ủng hộ phường Q và Quỹ vắc xin phòng chống Covid -19; bị cáo Bùi Ngọc C có thời gian tham gia quân đội và trước khi phạm tội có tham gia đóng góp vào Quỹ vắc xin phòng chống Covid -19. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì bị cáo Ngô Hữu S giữ vai trò chính nên xếp mức án của S cao nhất. Còn 03 bị cáo Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H và Bùi Ngọc C được xếp vai trò ngang nhau và có tình tiết giảm nhẹ TNHS như nhau, nên xếp mức án của 03 bị cáo Đ, H, Chung bằng nhau là phù hợp.

Đối với Chu Văn K thì phạm tội lần này đang trong thời gian thử thách. Khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 55 và khoản 5 Điều 65 của BLHS để tổng hợp với 09 tháng tù tại bản án HSST số 29/2021/HSST ngày 05/7/2021 của TAND thành phố S.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì ma túy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, số seri C6T4M7KVMM, Imeil: 359456490859676, điện thoại kèm sim (thu Ngô Hữu S); 01 điện thoại di động Iphone 11, màu trắng ngà, số seri C7CCW52WN73V, điện thoại kèm sim (thu của Lường Thanh H); 01 điện thoại di động Iphone 11, màu xanh số seri F4GZ609KN74F, Imel: 354007101331939, điện thoại kèm sim (thu của Trần Ngọc Đ); 01 điện thoại di động Iphone Xr, mặt lưng màu xanh, viền màu cam, số seri C6KXL44EKXL7, Imel: 357377095606704, điện thoại kèm sim (thu của Bùi Ngọc C); điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy sử dụng vào việc phạm tội, do cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước

Đối với 01 điện thoại di động Vivo 1915, màu xanh ngọc, số Imel: 868797048930772, điện thoại kèm sim (thu của Chu Văn K) điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy không sử dụng vào việc phạm tội,

cần được trả lại. Các vật chứng được xử lý theo quy định tại khoản 1; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Ngô Hữu S); Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Trần Ngọc Đ và Lường Thanh H và Bùi Ngọc C). Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 55; khoản 5 Điều 65; Điều 38 của BLHS (đối với Chu Văn K). Khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án (tất cả 05 bị cáo).

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Hữu S, Trần Ngọc Đ, Lường Thanh H, Bùi Ngọc C về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo Chu Văn K về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

1. Bị cáo Ngô Hữu S 07 (bảy) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

2. Bị cáo Trần Ngọc Đ 07(bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

3. Bị cáo Lường Thanh H 07(bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

4. Bị cáo Trần Ngọc C 07(bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

5. Bị cáo Chu Văn K 20(hai mươi) tháng tù. Tổng hợp với 09 (chín) tháng tù tại bản án HSST số: 29/2021/HSST ngày 05/7/2021 của TAND thành phố S Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 29 (hai chín) tháng tù (được trừ 01 ngày tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ một phong bì ma túy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T, có hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự kèm chữ ký, chữ viết của Lê Minh T, Hoàng Văn T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, số seri C6T4M7KVMM, Imeil: 359456490859676, điện thoại kèm sim (thu Ngô Hữu S); 01 điện thoại di động Iphone 11, màu trắng ngà, số seri C7CCW52WN73V, điện thoại kèm sim (thu của Lường Thanh H); 01 điện thoại di động Iphone 11, màu xanh số seri F4GZ609KN74F, Imel: 354007101331939, điện thoại kèm sim (thu của Trần Ngọc Đ); 01 điện thoại di động Iphone Xr, mặt lưng màu xanh, viền màu cam, số seri C6KXL44EKXL7, Imel: 357377095606704, điện thoại kèm sim (thu của Bùi Ngọc C).

Trả lại cho Chu Văn K 01 điện thoại di động Vivo 1915, màu xanh ngọc, số Imel: 868797048930772, điện thoại kèm sim điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng số 57/2023/THA ngày 10 tháng 01 năm 2023.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Quyết định bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TPTH;
- Công an TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan A